

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải Yến và ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05/2024/TB-TA ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1972; ĐKKHKT và chỗ ở: thôn L, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: thôn Quan Lộc, xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đồng K**, sinh năm 1968; ĐKKHKT và chỗ ở: thôn L, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Bà L đề nghị giải quyết vắng mặt, ông K vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và Ông Nguyễn Đồng K kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Tứ Kỳ (nay là huyện Tứ Kỳ) ngày 05/12/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống trên thửa cùng đất của bố mẹ chồng ở thôn L, xã V. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ông K thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu lại về chửi bới, đánh đập bà, đã nhiều

lần bà bỏ về nhà bố mẹ đẻ, ông K đến xin lỗi, vợ chồng về đoàn tụ, lúc đó do các con còn nhỏ nên bà đã về đoàn tụ. Tuy nhiên ông K vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi, thường xuyên về chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi bà. Bà đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2023, vợ chồng ly thân đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông K để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/02/1998 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 20/3/2000, hiện các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn Ông Nguyễn Đồng K trình bày:*

+ Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như bà L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà ở trên thửa đất của bố mẹ ông ở cùng thôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bà L nhiều lần bỏ về nhà ngoại mà không nói với ông, khi hỏi thì bà L có những lời nói không hay, xúc phạm ông. Có lần nóng tính ông có đánh bà L. Cuối năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà L, vì vậy bà L xin ly hôn ông không nhất trí.

+ Về con chung: Ông K xác định ông bà có hai con chung như bà L đã trình bày là đúng, cả hai con chung hiện đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã V, đại diện thôn L đều được cung cấp: Về thời gian và điều kiện kết hôn của ông K, bà L đúng như các đương sự đã trình bày. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung sống ở địa phương, vợ chồng hạnh phúc đến một vài năm trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Bên cạnh đó ông K thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu thường về chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà L. Ngoài ra do bà L sinh toàn con gái trong khi ông K mong muốn có con trai nên có quan hệ ngoài luồng, không chung thủy. Khi bà L phát hiện ra, khuyên bảo nhưng ông K không thay đổi. Từ tháng 11/2023 bà L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay bà L xin ly hôn ông K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có hai con chung như các đương sự trình bày là đúng, các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên Tòa án không phải giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, ông K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà L được ly hôn ông K. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết. Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn Ông Nguyễn Đồng K đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và Ông Nguyễn Đồng K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Tứ Lộc (nay là huyện Tứ Kỳ) ngày 05/12/1996 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng vài năm trở lại đây thì xảy ra mâu thuẫn. Theo bà L xác định, ông K thường xuyên rượu chè, có lối sống không chung thủy, mỗi lần say rượu về hay chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà; còn theo ông K, bà L không tôn trọng ông, thậm chí có lời lẽ khó nghe, xúc phạm ông, bức tức ông có đánh bà L. Lời khai của bà L, ông K phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã và các đoàn thể xã V, thôn L đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có một quan điểm, tình cách trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh nhau. Từ tháng 11/2023, bà L đã bỏ về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống ly thân, ông K có tìm nhưng bà L cương quyết không về đoàn tụ. Mặc dù nguyện vọng của ông K mong muốn vợ chồng đoàn tụ là chính đáng nhưng thực tế từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông K cũng không có giải pháp nào dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng đó kéo dài khiến cả hai bên đều thấy căng thẳng, mệt mỏi. Hơn nữa, ông K đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên tòa, chứng tỏ ông K cũng không có thiện chí hòa giải. Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà L được ly hôn

với ông K là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/02/1998 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 20/3/2000. Các con chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên Tòa án không phải giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Cả bà L, ông K đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn Ông Nguyễn Đồng K.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0004749 ngày 22/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã V (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân